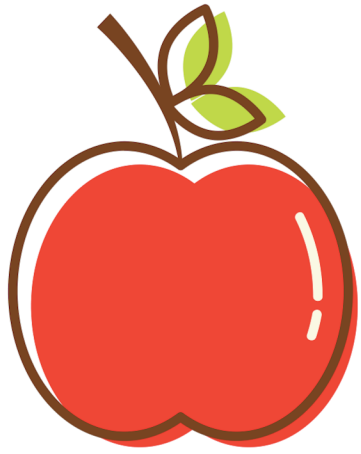
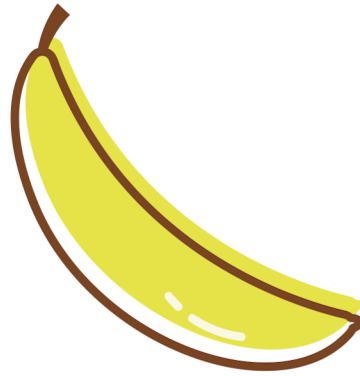
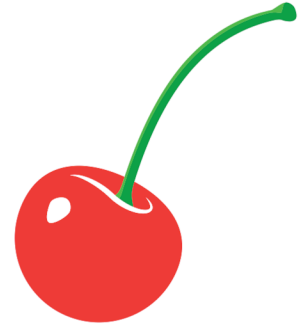




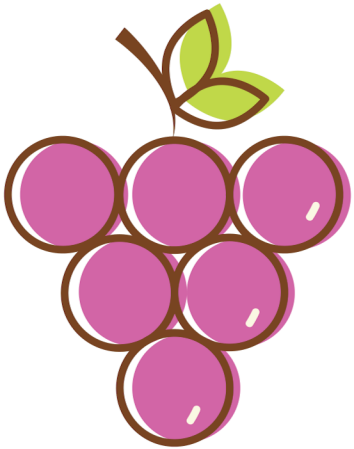
apple



banana



cherry



grapes



watermelon



orange

櫻桃

yīng táo

香蕉

xiāng jiāo

蘋果

píng guǒ

橙子

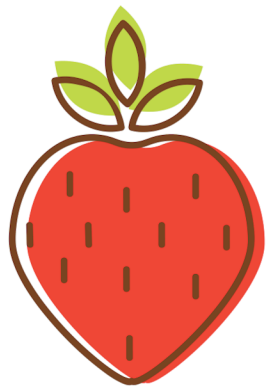
chéng zi

西瓜

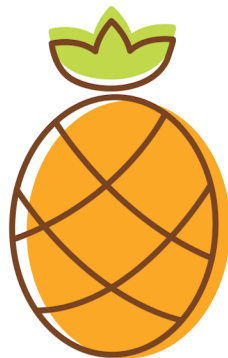
xī guā

葡萄

pú tao



strawberry



pineapple



blueberry



yum



here



where

蓝莓

lán méi

菠萝

bō luó

草莓

cǎo méi

哪儿

nǎr

这儿

zhèr

好吃

hǎo chī



at, in

在

zài